

Click [Vào đây](#) tải file

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM GIANG  
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BẢN TRÚ  
THCS LIÊN XÃ CÀ DÝ - TÀ BHING

THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2022 - 2023

Áp dụng thực hiện từ Tuần 10 (07/11/2022)

| Thứ | Buổi  | Tiết | 6/1             | 6/2             | 6/3             | 7/1             | 7/2            | 7/3             | 8/1            | 8/2            | 8/3            | 9/1            |
|-----|-------|------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 2   | Sáng  | 1    | SH dưới cờ      | SH dưới cờ      | SH dưới cờ      | SH dưới cờ      | SH dưới cờ     | SH dưới cờ      | Chào cờ        | Chào cờ        | Chào cờ        | Chào cờ        |
|     |       | 2    | Ngữ văn         | Âm nhạc (NT)    | Vật lý (KHTN)   | Ngữ văn         | GDCD           | Địa lý (LSVDL)  | Hóa học        | Lịch sử        | Công nghệ      | GDCD           |
|     |       | 3    | GDTG            | Mĩ thuật (NT)   | Ngữ văn         | Ngữ văn         | Công nghệ      | Tiếng Anh       | Ngữ văn        | Địa lý         | Toán           | Sinh học       |
|     |       | 4    | GDTG            | Tiếng Anh       | GDCD            | Toán            | Tiếng Anh      | Hóa học (KHTN)  | Toán           | Ngữ văn        | Tin học        | Tiếng Anh      |
|     |       | 5    | Tiếng Anh       | Ngữ văn         | Sinh học (KHTN) | GDCD            | Mĩ thuật (NT)  | Toán            | Vật lý         | Ngữ văn        | Tin học        | Địa lý         |
|     | Chiều | 1    | LS-ĐL           | GDTG            | Tiếng Anh       | Lịch sử (LSVDL) | GDTG           | Tin học         | Tiếng anh (PD) | Sinh học       | GDCD           | Vật lý         |
|     |       | 2    | Sinh học (KHTN) | GDTG            | NDGD Địa phương | Tin học         | GDTG           | Lịch sử (LSVDL) | Sinh học       | Công nghệ      | Tiếng anh (PD) | Hóa học        |
|     |       | 3    | x               | x               | x               | x               | x              | x               | Công nghệ      | Tiếng anh (PD) | Sinh học       | x              |
| 3   | Sáng  | 1    | Toán            | LS-ĐL           | Công nghệ       | Hóa học (KHTN)  | Tiếng Anh      | GDCD            | Địa lý         | GDCD           | Toán           | Ngữ văn        |
|     |       | 2    | Sinh học (KHTN) | HĐTNHN          | LS-ĐL           | Tiếng Anh       | Toán           | Ngữ văn         | Ngữ văn        | Thể dục        | Toán           | Ngữ văn        |
|     |       | 3    | LS-ĐL           | Vật lý (KHTN)   | Tin học         | HĐTNHN          | Toán           | Ngữ văn         | Sinh học       | Thể dục        | Tiếng Anh      | Lịch sử        |
|     |       | 4    | GDCD            | Sinh học (KHTN) | HĐTNHN          | Lịch sử (LSVDL) | Ngữ văn        | Toán            | Tin học        | Tiếng Anh      | Âm nhạc        | Toán           |
|     |       | 5    | LS-ĐL           | Công nghệ (Thu) | Sinh học (KHTN) | Toán            | Ngữ văn        | HĐTNHN          | Tin học        | Toán           | Ngữ văn        | Vật lý         |
|     | Chiều | 1    | Toán (PD)       | Tiếng anh (PD)  | Văn (PD)        | Toán (PD)       | Tiếng anh (PD) | Văn (PD)        | Toán (PD)      | Văn (PD)       | Công nghệ      | Tiếng anh (PD) |
|     |       | 2    | Văn (PD)        | Toán (PD)       | Tiếng anh (PD)  | Văn (PD)        | Toán (PD)      | Tiếng anh (PD)  | Văn (PD)       | Âm nhạc        | Toán (PD)      | Toán (PD)      |
|     |       | 3    | Tiếng anh (PD)  | Văn (PD)        | Toán (PD)       | Tiếng anh (PD)  | Văn (PD)       | Toán (PD)       | Lịch sử        | Toán (PD)      | Văn (PD)       | Văn (PD)       |
|     | Sáng  | 1    | Vật lý (KHTN)   | Ngữ văn         | LS-ĐL           | GDTG            | Âm nhạc (NT)   | Ngữ văn         | Toán           | Tin học        | Thể dục        | Ngữ văn        |
|     |       | 2    | Toán            | Ngữ văn         | Tiếng Anh       | GDTG            | Vật lý (KHTN)  | Ngữ văn         | Toán           | Tin học        | Thể dục        | Tiếng Anh      |
|     |       | 3    | Toán            | Tiếng Anh       | Âm nhạc (NT)    | Công nghệ       | Tin học        | Vật lý (KHTN)   | Tiếng Anh      | Tiếng Anh      | Ngữ văn        | Âm nhạc        |

**Thi i khóa bi u năm h c 2022 - 2023. (Áp d ng t tu n 10 - ngày 07/11/2022)**

Vi t bi i Ban Biên T p

Th b y, 05 Tháng 11 2022 22:51 - L n c p nh t cu i Th b y, 19 Tháng 11 2022 23:08

| Thứ | Buổi  | Tiết | 6/1                | 6/2             | 6/3           | 7/1                | 7/2                | 7/3                | 8/1       | 8/2       | 8/3       | 9/1       |
|-----|-------|------|--------------------|-----------------|---------------|--------------------|--------------------|--------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 4   |       | 4    | Tiếng Anh          | LS-ĐL           | Toán          | Vật lý (KHTN)      | Ngữ văn            | Tiếng Anh          | Âm nhạc   | Toán      | Ngữ văn   | Toán      |
|     |       | 5    | NDGD<br>Địa phương | Vật lý (KHTN)   | Toán          | Tiếng Anh          | Ngữ văn            | Mĩ thuật (NT)      | Ngữ văn   | Toán      | Tiếng Anh | Toán      |
|     | Chiều | 1    | Công nghệ          | Toán            | GDTC          | Mĩ thuật (NT)      | Địa lý (LSVĐL)     | GDTC               | Mĩ thuật  | Mĩ thuật  | Vật lý    | Tin học   |
|     |       | 2    | Vật lý (KHTN)      | GD Địa phương   | GDTC          | NDGD<br>Địa phương | Sinh học (KHTN)    | GDTC               | Công nghệ | Hóa học   | Mĩ thuật  | Tin học   |
| 5   | Sáng  | 1    | Ngữ văn            | LS-ĐL           | Vật lý (KHTN) | Toán               | NDGD<br>Địa phương | Lịch sử (LSVĐL)    | Ngữ văn   | Vật lý    | Toán      | Hóa học   |
|     |       | 2    | Ngữ văn            | Toán            | Mĩ thuật (NT) | Toán               | Vật lý (KHTN)      | Sinh học (KHTN)    | Tiếng Anh | Toán      | Địa lý    | Ngữ văn   |
|     |       | 3    | Tin học            | Ngữ văn         | Toán          | Địa lý (LSVĐL)     | Toán               | Âm nhạc (NT)       | Hóa học   | Lịch sử   | Ngữ văn   | Sinh học  |
|     |       | 4    | Âm nhạc (NT)       | Tin học         | LS-ĐL         | Vật lý (KHTN)      | Toán               | NDGD<br>Địa phương | GDTC      | Ngữ văn   | Lịch sử   | Toán      |
|     |       | 5    | Mĩ thuật (NT)      | Sinh học (KHTN) | Ngữ văn       | Âm nhạc (NT)       | Lịch sử (LSVĐL)    | Vật lý (KHTN)      | Toán      | Ngữ văn   | Hóa học   | Địa lý    |
| 6   | Sáng  | 1    | HĐTNHN             | Toán            | Tiếng Anh     | Sinh học (KHTN)    | HĐTNHN             | Tiếng Anh          | Thể dục   | Hóa học   | Lịch sử   | Công nghệ |
|     |       | 2    | Tiếng Anh          | Toán            | Ngữ văn       | Ngữ văn            | Tiếng Anh          | Công nghệ          | Thể dục   | Sinh học  | Hóa học   | Thể dục   |
|     |       | 3    | Toán               | Tiếng Anh       | Ngữ văn       | Ngữ văn            | Lịch sử (LSVĐL)    | Toán               | Lịch sử   | Tiếng Anh | Sinh học  | Thể dục   |
|     |       | 4    | Ngữ văn            | GDTC            | Toán          | Tiếng Anh          | Hóa học (KHTN)     | Toán               | Tiếng Anh | Công nghệ | Tiếng Anh | Ngữ văn   |
|     |       | 5    | SH Lóp             | SH Lóp          | SH Lóp        | SH Lóp             | SH Lóp             | SH Lóp             | SHL       | SHL       | SHL       | SHL       |

Người lập bảng

**Đặng Thị Thu Phương**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



*Yương Thị Ánh*